



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 HUYỆN PHƯỚC SƠN
(Kèm theo Quyết định số 3515/QĐ-UBND ngày 19 /12/2022 của UBND huyện Phước Sơn)

Đvt: Triệu đồng.

ST T	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt				Số vốn đã bố trí đến 31/12/2022				Kế hoạch năm 2023		
					Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	NS tỉnh	Huyện
						NS TW	NS tỉnh	NS huyện		NS TW	NS tỉnh	NS huyện			
A	B	1	2	3	4	5	5	6	13	14			15	16	17
TỔNG SỐ					904.753	65.000	589.985	249.698	236.059	45.000	145.715	45.344	187.302	87.130	100.202
I	Dự án khởi công mới				136.300	20.000	8.800	107.500	0	0	0	0	41.488	1.600	39.888
1	Trụ sở và hội trường UBND xã Phước Hòa	Phước Hòa	2023-2024	13;12/7/2022	11.000			11.000					4.950		4.950
2	Trụ sở và hội trường UBND xã Phước Công	Phước Công	2023-2024	13;12/7/2022	7.500			7.500					2.835		2.835
3	Sửa chữa, nâng cấp trụ sở UBND xã Phước Thành	Phước Thành	2023-2024	13;12/7/2022	5.000			5.000					2.250		2.250
4	Khu Tái định cư, bố trí dân cư xã Phước Hiệp	Phước Hiệp	2023-2024	13;12/7/2022	12.000			12.000					5.400		5.400
5	Nâng cấp via hè đường Nguyễn Văn Linh	TT Khâm Đức	2023	13;12/7/2022	4.000			4.000					1.800		1.800
6	Xây dựng khu tập thể thao các môn thi đấu phụ (Arobic, võ, bóng bàn...)	TT Khâm Đức	2023	13;12/7/2022	1.650			1.650					743		743
7	Khu tái định cư phục vụ chỉnh trang TT Khâm Đức	TT Khâm Đức	2023-2024	13;12/7/2022	40.200			40.200					12.000		12.000
8	Khu giãn dân thôn La Mưng xã Phước Xuân	Phước Xuân	2023-2024	13;12/7/2022	12.000			12.000					5.400		5.400
9	Nâng cấp via hè đường 12 tháng 5	TT Khâm Đức	2023	13;12/7/2022	4.500			4.500					2.025		2.025
10	Nâng cấp via hè đường Nguyễn Chí Thanh	TT Khâm Đức	2023	13;12/7/2022	3.300			3.300					1.485		1.485
11	Trụ sở Công an xã Phước Năng	Phước Năng	2022-2023		5.150		3.500	1.650					2.600	1.600	1.000

12	Nâng cấp, cải tạo đường Huỳnh Thúc Kháng	TT Khâm Đức	2023		7.000		5.300	1.700							
13	Khu tái định cư thôn 2 Phước Thành	Phước Thành			23.000	20.000		3.000							
III Dự án chuyển tiếp, thanh toán nợ					768.453	45.000	581.185	142.198	236.059	45.000	145.715	45.344	108.408	78.738	29.700
1	Khu liên hợp thể thao huyện Phước Sơn (giai đoạn 1)	TT Khâm Đức	2022-2023	393/14/3/2022	30.000		10.000	20.000	15.000		5.000	10.000	10.000	5.000	5.000
2	Cổng hợp suối Nước gia đường đi thôn 2 xã Phước Lộc	Phước Lộc	2022	2011/1/10/2021	800			800	500			500	250		250
3	Bờ kè khu dân dân thôn La Mưng xã Phước Xuân	Phước Xuân	2022	2361/14/11/2021	1.950			1.950	1.100			1.100	600		600
4	Bờ kè khu dân cư thôn 1 (Trà Văn B cũ) xã Phước Kim	xã Phước Kim	2022	2410/12/10/2021	1.750			1.750	1.000			1.000	550		550
5	Sửa chữa khắc phục tuyến ĐH4. PS (Phước Mỹ- Phước Công)	Liên xã	2022	335/14/2/2022	2.400			2.400	1.600			1.600	600		600
6	Trụ sở và hội trường UBND xã Phước Kim	xã Phước Kim	2022-2023	2534/22/11/2021	5.000			5.000	2.500			2.500	2.000		2.000
7	Hội trường UBND huyện	TT Khâm Đức	2022-2023	177/18/1/2022	12.000			12.000	8.347			8.347	2.000		2.000
8	Đường GT thôn 1 - thôn 4 Phước Đức	Phước Đức	2022-2023	6/5/1/2022	10.000			10.000	5.000			5.000	3.500		3.500
9	Thủy lợi Nước Xoi xã Phước Thành	Phước Thành	2022	2898/21/12/2021	2.000			2.000	1.500			1.500	200		200
10	Nâng cấp via hè đường Phạm Văn Đồng	TT Khâm Đức	2022	153/11/1/2022	5.000			5.000	4.000			4.000	500		500
13	Xây dựng khu căn cứ chiến đấu (mô phỏng) tại xã Phước Chánh	Phước Chánh	2022	12/12/7/2022	3.140			3.140	-				2.000		2.000
14	Trường mẫu giáo Sơn Ca Khâm Đức	TT Khâm Đức	2022-2023	12/12/7/2022	5.000			5.000	2.000			2.000	2.000		2.000
15	Đường nối tuyến Võ Nguyên Giáp - khu dân cư (khối 6 cũ) thị Khâm Đức	TT Khâm Đức	2022	12/12/7/2022	19.700			19.700	-				7.000		7.000
16	Đường giao thông nối xã Phước Năng - Phước Chánh	P.Năng- P.Chánh	2022-2024	1850/2/7/2021	90.000		81.000	9.000	12.000		11.000	1.000	9.000	8.000	1.000
17	Cầu Xà Ka, xã Phước Công	Phước Công	2021-2023	3607/15/12/2020	31.500		28.400	3.100	19.797		19.500	297	-		

[illegible]

28	Thủy lợi ĐaKTaNang, xã Phước Mỹ	Phước Mỹ	2022 -2022	693 29/3/22	1.150	1.000		150	1.000	1.000			-		
29	Bờ kè chống sạt lở Trung tâm hành chính xã Phước Kim	Phước Kim	2022 -2022	640 21/3/22	8.050	7.000		1050	7.000	7.000			-		
30	Sửa chữa cầu bản Km3 + 886 (Cầu Khi) tuyến ĐH5.PS (Phước Công – Phước Lộc)	Phước Lộc	2022 -2022	621 16/3/22	5.750	5.000		750	5.000	5.000			-		
31	Kè và đường giao thông thôn 4, xã Phước Thành	Phước Thành	2022 -2022	641 21/3/22	1.380	1.200		180	1.200	1.200			-		
32	Kè gia cố khu TĐC thôn 1 A, xã Phước Thành	Phước Thành	2022 -2022	694 29/3/22	6.479	3.800		2.679	3.800	3.800			2.000		2.000
33	Nước sinh hoạt thôn 4 (thôn 4A cũ) xã Phước Thành	Phước Thành	2022 -2022	906 1/4/22	2.300	2.000		300	2.000	2.000			-		
III	Thanh toán nợ, đối ứng các dự án												37.406	6.792	30.614
1	Thanh toán nợ khối lượng hoàn thành, CT có quyết toán,												25.406	6.792	18.614
2	Đối ứng CT MTQG, kiên cố hóa ĐH và GTNT...												12.000		12.000